

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HS-ST

Ngày 25-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Đức Tôn

Ông Lâm Ngọc Thạch,

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Tiên M; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1977 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Mạnh Th (đã chết) và bà Phạm Thị K (sinh năm 1952); có vợ là Trần Thị Hải Nh, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2018 đến ngày 20/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn; hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Phùng Văn T; Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1979 tại xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm V, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phùng Văn B1 (sinh năm 1954) và bà Triệu Thị S (sinh năm 1959); có vợ là Mã Thị T1, sinh năm 1980 và 05 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2018 đến ngày 20/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn; hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn B; Sinh năm 1993 tại huyện S, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm Q, xã R, huyện S, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 3/12 PT; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1960) và bà Bùi Thị H (sinh năm 1962); vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Dương Nhật L; Sinh ngày 08 tháng 4 năm 1998 tại huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn L1 (sinh năm 1975) và bà Nguyễn Thị Minh Th1 (sinh năm 1978); vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa:

+ Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Phùng Văn Thắng. Có mặt.

+ Bà Hoàng Thị Diệp Hảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016 Vũ Tiến M (*trú tại tổ 11, phường P, thành phố T*) qua bạn bè giới thiệu quen Phùng Văn T (*trú tại xóm V, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng*) và biết trên đất của T có vàng nên đã gặp T trao đổi việc cùng nhau kết hợp để khai thác vàng trên đất của T. Nhưng do mới quen nên T chưa nhất trí, sau đó M thường xuyên điện thoại trao đổi và T đã nhất trí. Đầu năm 2018 M cùng Nguyễn Văn Tr (*trú tại Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên*) đến nhà T. M đã bàn bạc, thống nhất cùng T khai thác và quản lý, mọi chi phí và tiền nhân công do M chi trả, khi khai thác được vàng thì chia theo tỷ lệ 1/9 (*M hưởng 09 phần, T hưởng 01 phần*). M và T thống nhất khai thác bằng hình thức thủ công nếu gặp đá cứng thì sử dụng thuốc nổ để phá, khi nào có vàng thì T mới tham gia cùng quản lý. M hỏi T tìm mua vật liệu nổ ở Cao Bằng,

T nói không có nên M bảo sẽ tìm mua vật liệu nổ từ Thái Nguyên lên khi khai thác được vàng sẽ tính toán sau.

Qua bạn bè giới thiệu, ngày 03/5/2018 M đi xe máy theo đường vào C, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên mua vật liệu nổ với một người đàn ông (*không biết tên tuổi, địa chỉ*) được khoảng 10 kg thuốc nổ, 1.000 kíp nổ và 02 cuộn dây cháy chậm mỗi cuộn dài khoảng 50m với số tiền 13.300.000đ (*mười ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

Ngày 05/5/2018 M thuê xe 16 chỗ, cùng Tr đưa Nguyễn Thanh S1, Dương Nhật L (*cùng trú tại thị trấn Đ, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên*); Nguyễn Văn B, Bùi Văn H1, Nguyễn Văn Th3, Bùi Văn Kh, Bùi Văn T4 (*cùng trú tại xã R, huyện S, Hòa Bình*) và số vật liệu nổ, đồ đạc cá nhân lên nhà T để khai thác vàng. Tại nhà T, M kiểm tra số vật liệu nổ thấy có 05 cốp thuốc nổ, loại cốp có 10 thỏi mỗi thỏi có trọng lượng 0,2kg trong đó có 04 cốp còn nguyên và 01 cốp đã bóc dùng dở nhưng M không đếm, 11 hộp kíp trong đó có 09 hộp còn nguyên và 02 hộp đã bóc ra sử dụng nhưng không rõ số lượng là bao nhiêu và 02 cuộn dây cháy chậm còn nguyên.

Ngày 07/5/2018 M cùng mọi người làm lán đến ngày 16/5/2018 bắt đầu đào hang làm vàng, được khoảng 10 ngày gặp đá cứng thì T bảo M dùng đầu nổ, máy nén hơi của T để cạnh chỗ đang khai thác vàng để khoan đá nổ mìn. Từ khi sử dụng vật liệu nổ, M chia nhóm công nhân thành hai ca để nổ mìn, trong đó Nguyễn Văn B trực tiếp nổ ca ngày còn Dương Nhật L thì nổ ca đêm. Trong 02 ngày đầu M là người trực tiếp khoan, nhồi thuốc và kích nổ, mỗi ngày M sử dụng 03 thỏi tổng số là 06 thỏi tương đương 1,2kg (*một phẩy hai ki lô gam*), mỗi thỏi chia làm 02 quả nổ, 12 kíp nổ và 12 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm; B được trực tiếp khoan, nhồi và kích nổ 10 lần mỗi lần 03 thỏi thuốc nổ trong đó 04 ngày đầu do đá cứng nên M chỉ đạo nổ nguyên thỏi, còn 06 ngày sau mỗi ngày nổ 03 thỏi mỗi thỏi chia làm 02 quả nổ tổng số B sử dụng hết 30 thỏi thuốc nổ tương đương 06kg (*sáu ki lô gam*), 48 kíp nổ và 48 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm. L được trực tiếp khoan, nhồi và kích nổ 05 lần mỗi lần 02 thỏi thuốc nổ, do L phụ trách nổ ca đêm sợ gây tiếng nổ lớn nên M chỉ đạo L mỗi thỏi thuốc nổ chia làm 03 quả nổ, tổng số L được sử dụng 10 thỏi thuốc nổ tương đương 02kg (*hai ki lô gam*), 30 kíp nổ và 30 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm. Ngày 01/6/2018 Công an huyện B tiến hành kiểm tra M đưa túi nilon đựng kíp nổ cho L mang đi giấu thì bị phát hiện, thu giữ 09 hộp, mỗi hộp có kích thước 6 x 5cm, một mặt có kích thước 6 x 3cm, trên bề mặt mỗi hộp có ghi dòng chữ “KÍP NỔ ĐÓT SỐ 8 VỎ NHÔM” bên trong mỗi hộp có 100 ống nhôm, ngoài ra còn tạm giữ 01 đầu máy nổ, 01 máy khoan

không rõ nhãn hiệu, 01 máy hơi không rõ nhãn hiệu màu da cam, 02 xe cải tiến, 02 xe rửa tất cả đều đã qua sử dụng.

Ngày 08/6/2018, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành mở niêm phong xác định được trong 9 hộp hình chữ nhật một mặt có kích thước 6cm x 5cm, một mặt có kích thước 6cm x 3cm trên mặt có dòng chữ “KÍP NỔ ĐÓT SỐ 8 VỎ NHÔM PLAIN DETONATOR N^o8”, trong mỗi hộp có 100 ống kim loại hình trụ màu bạc, dài 04cm, đường kính 0,5cm, tổng số lượng ống kim loại hình trụ màu bạc trong 09 hộp là 900 ống và tách lấy mỗi hộp 01 ống gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an để giám định. Tại Kết luận giám định số 3164 ngày 15/6/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: “*Mẫu vật có ký hiệu từ số 01 đến 09 gửi giám định đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm, tất cả số kíp nổ trên đều còn sử dụng được*”.

Tại bản cáo trạng số 38/CTr-VKSCB-P1 ngày 27/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố:

Các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Dương Nhật L, Nguyễn Văn B về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ theo quy định tại khoản 1 điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến bổ sung.

Bị cáo Vũ Tiến M khai nhận: Tôi quen biết anh Phùng Văn T từ tết năm 2016 do bạn của tôi tên là Q1 giới thiệu T có đất để làm vàng nên tôi cùng bạn lên huyện B, Cao Bằng gặp T để nói chuyện. Qua vài lần nói chuyện chúng tôi thống nhất với nhau cùng khai thác vàng, việc khai thác vàng sẽ sử dụng vật liệu nổ. Tôi có hỏi bị cáo T ở huyện B có ai bán vật liệu nổ không, bị cáo T trả lời không có nên tôi xuống Thái Nguyên để tìm mua. Tôi chịu trách nhiệm đi mua vật liệu nổ, còn T có đất để khai thác. Nếu sau khi khai thác được vàng, bán ra có lợi sẽ dùng số tiền lời đó chi trả tiền mua vật liệu nổ mà tôi đã bỏ ra trước, trả tiền lương cho công nhân, còn lại tôi và T sẽ chia theo tỉ lệ 9/1, tôi 09 phần, T 01 phần. Tôi mua vật liệu nổ với một người đàn ông không quen biết vào ngày 04/5/2018 tại Đ1, Thái Nguyên gồm: 05 cốp thuốc nổ loại AD1, mỗi cốp có 10 thỏi, trọng lượng mỗi cốp 02 kg, trong đó có 1 hộp thuốc nổ đã bị bóc dỡ không còn nguyên vẹn, kíp khoảng 1000 cái, lấy số dây tương ứng với số lượng thuốc nổ, tổng cộng 13.300.000đ (mười ba triệu ba trăm nghìn đồng), mấy ngày đầu khai thác vàng chưa sử dụng đến vật liệu nổ, đến khi gặp đá cứng thì tôi có hỏi T về việc sử dụng đầu máy nổ, máy nén hơi của T để khoan lỗ tra thuốc nổ mìn. Sau khi có máy móc thì M đã trực tiếp sử dụng 06 thỏi thuốc nổ và 12 kíp nổ, M còn hướng dẫn cho L và B sử dụng vật liệu nổ. Nay bản thân tôi đã nhận thấy

hành vi mua thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm để khai thác vàng của bản thân là trái pháp luật.

Bị cáo Phùng Văn T khai nhận: Vào khoảng tháng 3/2018, anh M đến gặp tôi để bàn bạc việc khai thác vàng. Tôi đã dẫn anh M đến khu đất của gia đình tôi để lấy mẫu đất đá kiểm tra xem có vàng không. Khi kiểm tra có vàng, chúng tôi đã bàn bạc với nhau, tôi nói với anh M có thể dựng lán ở bất kỳ vị trí nào trong khu đất của gia đình tôi để thuận lợi cho việc khai thác vàng. Trước đây tôi thấy những người xung quanh đây khai thác vàng có sử dụng mìn để phá đá mới biết việc khai thác vàng phải sử dụng vật liệu nổ. M là người mua vật liệu nổ, tôi có cung cấp máy móc gồm máy nổ, máy nén hơi cũ. Trong quá trình khai thác vàng, tôi không biết M phân công việc sử dụng vật liệu nổ để đào hang như thế nào.

Bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5/2018, tôi được anh Tr (nhà ở huyện Ph, Thái Nguyên) giới thiệu đến chỗ anh M để đào vàng và tôi nhất trí. Đến huyện B, chúng tôi nghỉ ngơi một ngày, sang ngày hôm sau, anh M chỉ đạo tôi và mọi người đi chặt cây, chuẩn bị vật liệu để dựng lán làm trong bãi vàng. Thời gian chặt cây, dựng lán mất khoảng 10 ngày, sau đó anh M cho chúng tôi đào hang để khai thác vàng. Khi gặp đá cứng, không thể đào thủ công nữa thì anh M cho sử dụng thuốc nổ để phá đá, đào hang. Ca ban ngày có tôi và anh M sử dụng thuốc nổ để phá đá, còn ca đêm có anh L. Bản thân tôi được nhận thuốc nổ, kíp nổ từ anh M 10 lần, nhận được thuốc nổ lần nào đều sử dụng hết lần đó. Tôi chưa được học hay đào tạo qua trung tâm nào để được cấp chứng chỉ sử dụng vật liệu nổ theo quy định của pháp luật. Bản thân tôi do kém hiểu biết về pháp luật, vì miếng cơm manh áo nên mới phải đi làm thuê để kiếm tiền trang trải chi phí sinh hoạt. Quá trình làm thuê chủ bảo như thế nào thì tôi làm như vậy. Đến nay tôi đã nhận thức được việc sử dụng vật liệu nổ mà không có chứng chỉ và cấp phép của chính quyền là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Dương Nhật L khai nhận: Tôi được ông ngoại và cậu giới thiệu đến nhà chú T để làm thuê. Đến ngày 11/5/2018, chú T đưa tôi đến một khu lán cách nhà chú tầm 700m, lúc đó tôi mới biết mình tới đây để khai thác vàng. Sở dĩ tôi biết muợn như vậy là trong quá trình ở nhà chú T, xung quanh tôi chủ yếu là người dân tộc thiểu số, tôi không nói chuyện được và quá trình mọi người chặt cây làm lán tôi không được tham gia. Khoảng 06 ngày đầu tiên tôi vừa cào đất, đẩy đất ra khỏi hang, học khách khoan đá, được chú M và anh B dạy chế tạo quả nổ từ thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm. Sau khi thấy tôi có thể tạo ra quả nổ và nổ mìn thì chú M mới chia ca ngày, ca đêm. Tôi được thực hiện nổ mìn trong khoảng 05 ngày, được chế tạo, nhồi quả nổ, kích nổ khoảng 30 quả nổ, trong đó chỉ phát nổ khoảng 20 quả nổ, còn 10 quả không phát nổ. Trong quá trình tôi thực hiện nổ mìn ở bãi vàng thì trong ca của tôi chỉ có tôi là người khoan đá, tạo

quả nổ, nổ mìn, những người khác chỉ đào đất, chở đất và các công việc phụ nổ khác. Bản thân tôi chưa được học chứng chỉ nổ mìn nhưng vẫn làm là sai trái nhưng do đi làm thuê kiếm sống nên tôi đã vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kết luận về vụ án như sau: Đây là vụ án sử dụng trái phép vật liệu nổ nghiêm trọng. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội và hình phạt cụ thể như sau:

Các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Dương Nhật L, Nguyễn Văn B phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự;

Áp dụng: Khoản 1 điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Đối với bị cáo T áp dụng thêm Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Tiến M từ 30 đến 36 tháng tù; Bị cáo Phùng Văn T từ 18 đến 24 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn B từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Dương Nhật L từ 12 đến 16 tháng tù.

* Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điều 67, Điều 6 khoản 1 Nghị định 26 ngày 05/4/2012 của Chính phủ đề nghị giao toàn bộ vật chứng sau cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng xử lý theo quy định của pháp luật:

- (01) Một hộp chứa 09 (chín) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;
- (01) Một hộp chứa 891 (tám trăm chín mươi một) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đỏ, có bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng có số IMEL: 358636041928xxx;

- 01 (một) đầu máy nổ không rõ nhãn hiệu có ghi chữ nước ngoài, số hiệu ST 1100A đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy hơi không rõ nhãn hiệu, màu da cam, đã qua sử dụng;
- 01 (một) máy khoan không rõ nhãn hiệu, tay cầm nhựa màu đen, thân máy màu da cam đã qua sử dụng;

- 02 (hai) xe cải tiến;

- 02 (hai) xe rửa;

- 01 (một) thanh kim loại hình trụ có nhiều cạnh (nghĩ là mũi khoan) có kích thước dài 89,2 (tám mươi chín phẩy hai) cm, chu vi trung bình là 10,2 (mười phẩy hai) cm, có một đầu hình tròn vát ở hai bên có chu vi trung bình là 13 (mười ba) cm.

Tịch thu để tiêu huỷ:

- 12 (mười hai) tấm kim loại mỏng màu vàng đồng đã qua sử dụng, trong đó:

+ 04 (bốn) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi) cm, chiều rộng 30 (ba mươi) cm;

+ 08 (tám) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi) cm, chiều rộng 40 (bốn mươi) cm;

- 01 (một) quyển vở học sinh có bìa màu hồng nhả vở có ghi “Ghi chép chi phí của Phùng Văn T”;

Xử hoàn trả cho bị cáo Vũ Tiến M - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, đã niêm phong; bị cáo Phùng Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng nhạt, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, đã niêm phong;

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho các bị cáo phát biểu luận cứ bảo vệ cho các bị cáo như sau:

- Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo bào chữa cho bị cáo Phùng Văn T: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần luận tội đối với bị cáo về tội danh, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội. Đối với bị cáo Phùng Văn T phạm tội do trình độ văn hóa thấp, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình đông con, bản thân không nhận thức đầy đủ mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng bản thân chỉ cho thuê đất không trực tiếp sử dụng vật liệu nổ. Bị cáo không được trực tiếp tham gia sử dụng các vật liệu nổ và phạm tội lần đầu, phạm tội với vai trò đồng phạm, trong quá trình sinh sống tại địa phương đều chấp hành tốt các quy định của địa phương (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B) không vi phạm các quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân tốt, vai trò đồng phạm; đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Bà Hoàng Thị Diệp Hảo bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần luận tội đối với bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn B chỉ là người làm thuê, thực hiện sử dụng vật liệu nổ theo sự chỉ đạo của bị cáo Vũ Tiến M. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn; bị cáo là người khuyết tật hạn chế khả năng nghe, nói. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Nguyễn Văn B, Dương Nhật L không đối đáp tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, có đủ căn cứ chứng minh: Xuất phát từ việc các bị cáo Vũ Tiến M và Phùng Văn T thống nhất cách thức khai thác vàng trái phép trên đất đồi của gia đình T tại xã Y, huyện B, Cao Bằng và có sử dụng vật liệu nổ trái phép. Bị cáo Vũ Tiến M đã mua được khoảng 9,2kg thuốc nổ, 990 kíp nổ và 100 mét dây cháy chậm; bị cáo T đóng góp một số máy móc gồm đầu máy nổ và máy nén hơi. Sau khi có được máy móc để phục vụ việc khoan nổ thì M đã trực tiếp sử dụng vật liệu nổ và hướng dẫn cho Nguyễn Văn B, Dương Nhật L cách sử dụng vật liệu nổ, cụ thể: M trực tiếp nổ 02 lần tương đương 1,2kg thuốc nổ, 12 kíp nổ và 12 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm; B trực tiếp nổ 10 lần tương đương 06kg thuốc nổ, 48 kíp nổ và 48 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm; L trực tiếp nổ 5 lần tương đương 02kg thuốc nổ, 30 kíp nổ và 30 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm. Ngày 01/6/2018 Công an huyện B tiến hành kiểm tra phát hiện thu giữ 900 kíp nổ đốt vỏ nhôm. Do vậy M, T phải chịu trách nhiệm về 9,2kg thuốc nổ, 990 kíp nổ, 90 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm; B chịu trách nhiệm về 06kg thuốc nổ, 48 kíp nổ và 48 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm; L chịu trách nhiệm về 02kg thuốc nổ, 30 kíp nổ và 30 đoạn dây cháy chậm mỗi đoạn dài khoảng 40cm. Tại Kết luận giám định số 3164 ngày 15/6/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: “*Mẫu vật có ký hiệu từ số 01 đến 09 gửi giám định đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm, tất cả số kíp nổ trên đều còn sử dụng được*”. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều hoàn toàn thừa

nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với nhau về động cơ, mục đích phạm tội, về thời gian, địa điểm, cách thức, số lần sử dụng vật liệu nổ và phù hợp với số lượng vật liệu nổ sử dụng; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan Công an huyện B tiến hành lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 01/6/2018 và biên bản niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 45 phút ngày 01/6/2018; Biên bản khám nghiệm hiện trường do cơ quan Công an lập hồi 14 giờ ngày 04/6/2018; phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đây là vụ án mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ có tính chất nghiêm trọng. Tổng số vật liệu nổ bị cáo Vũ Tiến M mua được là 9,2 kg thuốc nổ, 990 kíp nổ và 100m dây cháy chậm để các bị cáo M, L, B sử dụng trong việc mở hầm lò khai thác vàng. Trong quá trình sử dụng vật liệu nổ để khai thác vàng, bị cáo Vũ Tiến M là người chỉ đạo, cung cấp vật liệu nổ cho Dương Nhật L và Nguyễn Văn B sử dụng. Bị cáo Phùng Văn T tuy không trực tiếp mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ nhưng trước khi khai thác vàng, T cùng M đã bàn bạc thống nhất việc khai thác vàng phải sử dụng vật liệu nổ mới đạt kết quả cao, chi phí mua vật liệu nổ sẽ được M trả trước và sẽ được trừ vào chi phí chung khi chia sản phẩm, ngoài ra T còn cung cấp các máy móc, công cụ hỗ trợ trong việc khoan lỗ để sử dụng vật liệu nổ trong khai thác vàng.

Vật liệu nổ là nguồn nguy hiểm cao đối với xã hội do Nhà nước độc quyền quản lý, nhà nước cấm các tổ chức, cá nhân chế tạo, tàng trữ, sử dụng, vận chuyển, mua bán trái phép các loại vật liệu nổ. Trong những năm gần đây tội phạm liên quan đến vật liệu nổ có chiều hướng tăng với tính chất vô cùng phức tạp. Đã có nhiều vụ nổ bom, mìn xảy ra và hậu quả của các vụ nổ đã làm thiệt hại về tính mạng và tài sản của người dân, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống hàng ngày của nhân dân. Các bị cáo trong vụ án này, đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích kinh tế mặc dù biết được hành vi sử dụng vật liệu nổ trái phép, không có chứng chỉ, cấp phép của cơ quan có thẩm quyền là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng của bản thân và những người xung quanh, gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương nhưng vẫn cố tình thực hiện. Đối tượng tác động của các bị cáo trong vụ án là xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước đối với vật liệu nổ. Do vậy cần xử phạt nghiêm khắc nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chứng minh cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Dương Nhật L, Nguyễn Văn B về tội

“Sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ; do vậy hành vi các bị cáo cấu thành tội “Mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án này bị cáo Vũ Tiến M có vai trò lớn nhất trong vụ án, bởi chính bị cáo là người đặt vấn đề khai thác vàng trên đất của bị cáo Phùng Văn T, là người trực tiếp liên hệ mua, sử dụng vật liệu nổ, bỏ tiền để đầu tư khai thác vàng, thuê nhân công. Bị cáo Phùng Văn T mặc dù biết việc khai thác vàng không được cấp phép là trái quy định của pháp luật nhưng vẫn nhất trí với bị cáo Vũ Tiến M, cùng thống nhất với bị cáo M về việc khai thác vàng sử dụng vật liệu nổ, hành vi của bị cáo là đồng phạm. Các bị cáo Dương Nhật L và Nguyễn Văn B là người làm thuê cho bị cáo Vũ Tiến M, việc sử dụng vật liệu nổ là theo sự chỉ đạo của bị cáo Vũ Tiến M. Do vậy bị cáo Vũ Tiến M phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, vi phạm pháp luật lần đầu, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có trình độ học vấn thấp. Bị cáo T sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có vai trò đồng phạm không đáng kể; các bị cáo B, L do nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn đi làm thuê; bị cáo B bản thân là người khuyết tật hạn chế khả năng nghe, nói.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo khi quyết định mức hình phạt. Đối với bị cáo Vũ Tiến M có bố đẻ ông Vũ Mạnh Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chấp hành tốt các quy định chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi các bị cáo Phùng Văn T, Nguyễn Văn B, Dương Nhật L cư trú), vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Hiện nay các bị cáo đã nhận thức đầy đủ

về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và hứa sẽ không bao giờ tái phạm.

Căn cứ vào động cơ, mục đích, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Ngoài ra, việc cho các bị cáo được hưởng án treo còn thể hiện rõ chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nước ta. Do vậy cần xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về hình phạt đối với các bị cáo, xét đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo Nguyễn Văn B là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận. Xét đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo Phùng Văn T về mức hình phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo là thấp nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với người đàn ông bán vật liệu nổ cho M quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn Tr là người tìm công nhân làm thuê cho M và cùng M đưa lên huyện B để khai thác vàng, quá trình điều tra xác định Tr không liên quan đến hành vi phạm tội của M nên không xử lý đối với Tr.

Đối với hành vi khai thác khoáng sản trái phép của Vũ Tiến M và Phùng Văn T quá trình điều tra, xác minh hành vi trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với M và T.

* Về vật chứng của vụ án: Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về quan điểm xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 67, Điều 6 khoản 1 Nghị định 26 ngày 5/04/2012 của Chính phủ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Xử tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền toàn bộ số vật chứng gồm:

- (01) Một hộp chứa 09 (chín) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;
- (01) Một hộp chứa 891 (tám trăm chín mươi một) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đỏ, có bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng có số IMEL: 358636041928xxx;

- 01 (một) đầu máy nổ không rõ nhãn hiệu có ghi chữ nước ngoài, số hiệu ST 1100A đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy hơi không rõ nhãn hiệu, màu da cam, đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy khoan không rõ nhãn hiệu, tay cầm nhựa màu đen, thân máy màu da cam đã qua sử dụng;

- 02 (hai) xe cải tiến;

- 02 (hai) xe rửa;

- 01 (một) thanh kim loại hình trụ có nhiều cạnh (nghĩ là mũi khoan) có kích thước dài 89,2 (tám mươi chín phẩy hai) cm, chu vi trung bình là 10,2 (mười phẩy hai) cm, có một đầu hình tròn vát ở hai bên có chu vi trung bình là 13 (mười ba) cm.

Tịch thu để tiêu huỷ:

- 12 (mười hai) tấm kim loại mỏng màu vàng đồng đã qua sử dụng, trong đó:

+ 04 (bốn) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi) cm, chiều rộng 30 (ba mươi) cm;

+ 08 (tám) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi) cm, chiều rộng 40 (bốn mươi) cm;

- 01 (một) quyển vở học sinh có bìa màu hồng nhả vở có ghi “Ghi chép chi phí của Phùng Văn T”;

Xử hoàn trả cho bị cáo Vũ Tiến M: - 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, đã niêm phong; bị cáo Phùng Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng nhạt, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, đã niêm phong vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra các bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T phạm tội “Mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Dương Nhật L phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Nguyễn Văn B, Dương Nhật L; bị cáo Phùng Văn T áp dụng thêm Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Vũ Tiến M: 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/10/2018;

Phùng Văn T: 20 (hai mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/10/2018;

Nguyễn Văn B: 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/10/2018;

Dương Nhật L: 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/10/2018;

Giao bị cáo Vũ Tiến M cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phùng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện S, tỉnh Hòa Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Dương Nhật L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (các bị cáo) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

*** Xử tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền toàn bộ số vật chứng gồm:**

- (01) Một hộp chứa 09 (chín) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;
- (01) Một hộp chứa 891 (tám trăm chín mươi một) chiếc kíp nổ đã được niêm phong;

*** Xử tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:**

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đỏ, có bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng có số IMEL: 358636041928xxx;

- 01 (một) đầu máy nổ không rõ nhãn hiệu có ghi chữ nước ngoài, số hiệu ST 1100A đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy hơi không rõ nhãn hiệu, màu da cam, đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy khoan không rõ nhãn hiệu, tay cầm nhựa màu đen, thân máy màu da cam đã qua sử dụng;

- 02 (hai) xe cải tiến;

- 02 (hai) xe rửa;

- 01 (một) thanh kim loại hình trụ có nhiều cạnh (nghĩ là mũi khoan) có kích thước dài 89,2 (tám mươi chín phẩy hai) cm, chu vi trung bình là 10,2 (mười phẩy hai) cm, có một đầu hình tròn vát ở hai bên có chu vi trung bình là 13 (mười ba) cm.

*** Xử tịch thu để tiêu hủy:**

- 12 (mười hai) tấm kim loại mỏng màu vàng đồng đã qua sử dụng, trong đó:

+ 04 (bốn) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi) cm, chiều rộng 30 (ba mươi cm);

+ 08 (tám) tấm có kích thước chiều dài 60 (sáu mươi)cm, chiều rộng 40 (bốn mươi)cm;

- 01 (một) quyển vở học sinh có bìa màu hồng nhả vở có ghi “Ghi chép chi phí của Phùng Văn T”;

*** Xử hoàn trả cho các bị cáo số tài sản gồm:**

- Bị cáo Vũ Tiến M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, đã niêm phong;

- Bị cáo Phùng Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng nhạt, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, đã niêm phong;

Xác nhận toàn bộ vật chứng nói trên đã được chuyển đến cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản bàn giao vật chứng 50 ngày 29 tháng 8 năm 2018.

3. Về án phí:

Các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Nguyễn Văn B, Dương Nhật L mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo Vũ Tiến M, Phùng Văn T, Nguyễn Văn B, Dương Nhật L. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao HN;
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng PA92 CA tỉnh CB;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở TP tỉnh CB;
- Cục THADS tỉnh CB;
- BCHQS tỉnh CB (2 bản);
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa